

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP  
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 31/QĐ-SGTVT

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

#### GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 557/STC-HCSN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp, về việc thông báo kết quả thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho Sở Giao thông vận tải và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ được giao;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Giao thông vận tải (theo các phụ lục kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Kế toán trưởng và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Sở GTVT;
- Lưu VT, KHTC (Yên).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đào Quốc Tuấn



**TỔNG HỢP NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024  
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SGTVT ngày 10/01/2024 của Sở GTVT Đồng Tháp)

Mã số đơn vị SDNSNN: 1065873

**Chương 421**

ĐVT: đồng



Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	VP Sở GTVT	Thanh tra SGTVT	Cảng vụ đường thủy nội địa
A	B	1	2	3	4	5
		<b>A. PHẦN THU</b>				
		<b>1/- Tổng thu :</b>	<b>8.160.000.000</b>	<b>7.360.000.000</b>	<b>0</b>	<b>800.000.000</b>
		- Thu, phí, lệ phí:	8.160.000.000	7.360.000.000		800.000.000
		<b>2/- Nộp Ngân sách:</b>	<b>5.102.000.000</b>	<b>4.896.000.000</b>	<b>0</b>	<b>206.000.000</b>
		- Thu, phí, lệ phí:	5.102.000.000	4.896.000.000		206.000.000
		<b>3/- Phần được để lại:</b>	<b>3.058.000.000</b>	<b>2.464.000.000</b>	<b>0</b>	<b>594.000.000</b>
		- Thu phí, lệ phí:	3.058.000.000	2.464.000.000	0	594.000.000
		<b>B. PHẦN CHI</b>				
		<b><u>DT chi từ nguồn NSNN cấp</u></b>	<b><u>96.261.000.000</u></b>	<b><u>85.120.000.000</u></b>	<b><u>9.353.000.000</u></b>	<b><u>1.788.000.000</u></b>
<b>340</b>	<b>341</b>	<b>1/- Quản lý hành chính:</b>	<b>14.302.000.000</b>	<b>8.819.000.000</b>	<b>5.483.000.000</b>	<b>0</b>
		1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	10.827.000.000	5.720.000.000	5.107.000.000	
		<i>Trong đó 10% tiết kiệm</i>	<i>164.000.000</i>	<i>92.000.000</i>	<i>72.000.000</i>	
		1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.475.000.000	3.099.000.000	376.000.000	
<b>070</b>	<b>083</b>	<b>2/- Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</b>	<b>149.000.000</b>	<b>43.000.000</b>	<b>90.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
		2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0			
		2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	149.000.000	43.000.000	90.000.000	16.000.000
		<b>3/- Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>81.810.000.000</b>	<b>76.258.000.000</b>	<b>3.780.000.000</b>	<b>1.772.000.000</b>
<b>280</b>	<b>292</b>	3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0			
		3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ (Sự nghiệp giao thông)	28.780.000.000	25.000.000.000	3.780.000.000	

*[Handwritten signature]*

		3.3 Kinh phí không thực hiện tự chủ (Bổ sung có mục tiêu kp quản lý, bảo trì đường bộ)	51.258.000.000	51.258.000.000	0
280	294	3.4 Kinh phí thực hiện tự chủ	1.131.000.000		1.131.000.000
		<i>Trong đó 10% tiết kiệm</i>	<i>12.000.000</i>		<i>12.000.000</i>
		3.5 Kinh phí không thực hiện tự chủ	641.000.000		641.000.000

**Ghi chú:** Đơn vị sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên là 164trđ , Nguồn thu dùng để thực hiện CCTL 548trđ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, theo mức lương cơ sở 1,8trđ theo quy định

**1./ Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên: 164trđ**

- Văn phòng Sở GTVT: 92tr
- Thanh tra Sở GTVT: 72tr

**2/ Sử dụng Nguồn CCTL (bao gồm CCTL năm trước chuyển sang): 548trđ**

- Văn phòng Sở GTVT: 338tr
- Cảnh vụ đường thủy nội địa: 210tr



**CHI TIẾT NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024  
CỦA VĂN PHÒNG SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SGTVT ngày 10/01/2024 của Sở GTVT Đồng Tháp)

Mã số đơn vị SDNSNN: 1065873

**Chương 421**

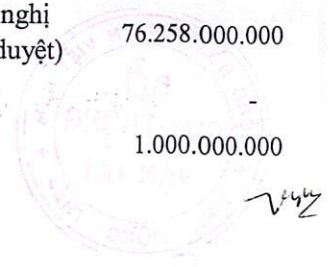
ĐVT: đồng

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	VP Sở GTVT
A	B	1	2	3
		<b>PHẦN THU</b>		
		<b>1/- Tổng thu :</b>	<b>7.360.000.000</b>	<b>7.360.000.000</b>
		- Thu, phí, lệ phí:	7.360.000.000	7.360.000.000
		<b>2/- Nộp Ngân sách:</b>	<b>4.896.000.000</b>	<b>4.896.000.000</b>
		- Thu, phí, lệ phí:	4.896.000.000	4.896.000.000
		<b>3/- Phần được để lại:</b>	<b>2.464.000.000</b>	<b>2.464.000.000</b>
		- Thu phí, lệ phí:	2.464.000.000	2.464.000.000
		<b>PHẦN CHI</b>		
		<b><u>DT chi từ nguồn NSNN cấp</u></b>	<b><u>85.120.000.000</u></b>	<b><u>85.120.000.000</u></b>
<b>340</b>	<b>341</b>	<b>1/- Quản lý hành chính:</b>	<b>8.819.000.000</b>	<b>8.819.000.000</b>
		1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	5.720.000.000	5.720.000.000
		<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	<i>92.000.000</i>	<i>92.000.000</i>
		1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.099.000.000	3.099.000.000
<b>070</b>	<b>083</b>	<b>2/- Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</b>	<b>43.000.000</b>	<b>43.000.000</b>
		2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
		2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	43.000.000	43.000.000
<b>280</b>	<b>292</b>	<b>3/- Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>76.258.000.000</b>	<b>76.258.000.000</b>
		3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
		3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ (Sự nghiệp giao thông)	25.000.000.000	25.000.000.000
		3.3 Kinh phí không thực hiện tự chủ (Bổ sung có mục tiêu kp quản lý, bảo trì đường bộ)	51.258.000.000	51.258.000.000

Ghi chú: Đơn vị sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên 92tr, sử dụng nguồn CCTL (gồm năm trước chuyển sang): 338tr để đảm bảo nguồn kinh phí chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (chênh lệch từ mức lương 1,49tr lên 1,8tr)

Kinh phí không tự chủ:	<b>79.400.000.000</b>
1/ Quản lý nhà nước	3.099.000.000
+ Kinh phí thực hiện công tác thu lệ phí; Mua 04 máy vi tính; 01 máy in A4; 01 máy in GPLX; 02 máy lạnh; Sửa chữa xe và tài sản; Xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; Công tác đột xuất, giao tiếp và các nhiệm vụ phát sinh khác	3.099.000.000
2/ Sự nghiệp đào tạo	43.000.000
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CB,CCVC	43.000.000

3/ Sự nghiệp kinh tế	76.258.000.000
- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông (Kế hoạch chi tiết đề nghị đơn vị có công văn phân khai gửi STC thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt)	76.258.000.000
** KP chưa có chủ trương còn giữ lại	1.000.000.000







**CHI TIẾT NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024  
CỦA THANH TRA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-SGTVT ngày 10 / 01 /2024 của Sở GTVT Đồng Tháp)

Mã số đơn vị SDNSNN: 1096453

**Chương 421**

ĐVT: đồng

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Thanh tra Sở GTVT
A	B	1	2	3
		<b>A. PHẦN THU</b>		
		<b>B. PHẦN CHI</b>		
		<b><u>DT chi từ nguồn NSNN cấp</u></b>	<b><u>9.353.000.000</u></b>	<b><u>9.353.000.000</u></b>
<b>340</b>	<b>341</b>	<b>1/- Quản lý hành chính:</b>	<b>5.483.000.000</b>	<b>5.483.000.000</b>
		1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	5.107.000.000	5.107.000.000
		<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	72.000.000	72.000.000
		1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	376.000.000	376.000.000
<b>070</b>	<b>083</b>	<b>2/- Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</b>	<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
		2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
		2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	90.000.000	90.000.000
<b>280</b>	<b>292</b>	<b>3/- Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>3.780.000.000</b>	<b>3.780.000.000</b>
		3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
		3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.780.000.000	3.780.000.000

**Ghi chú:** Đơn vị sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên 72trđ để đảm bảo nguồn kinh phí chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (chênh lệch từ mức lương 1,49trđ lên 1,8trđ)

<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ:</b>	<b>4.246.000.000</b>
<b>1/ Quản lý nhà nước</b>	<b>376.000.000</b>
+ Trang phục thanh tra (29 người)	221.000.000
+ Mua sắm (06 máy vi tính, 02 máy in, 05 tủ hồ sơ, 04 tủ bảo quản công cụ hỗ trợ) và các nhiệm vụ phát sinh khác	155.000.000
<b>2/ Giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>90.000.000</b>
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức	90.000.000
<b>3/ Sự nghiệp giao thông</b>	<b>3.780.000.000</b>
+ Kinh phí đảm bảo trật tự ATGT: Mua 02 xe ô tô và 02 xe mô tô; 12 Camera gắn vai; và các nhiệm vụ phát sinh	3.780.000.000



**CHI TIẾT NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024  
CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-SGTVT ngày 10 / 01/2024 của Sở GTVT Đồng Tháp)

Mã số đơn vị SDNSNN: 1112563

**Chương 421**

ĐVT: đồng

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Cảng vụ đường thủy nội địa
A	B	1	2	3
		<b>A. PHẦN THU</b>		
		<b>1/- Tổng thu :</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
		- Thu, phí, lệ phí:	800.000.000	800.000.000
		<b>2/- Nộp Ngân sách:</b>	<b>206.000.000</b>	<b>206.000.000</b>
		- Thu, phí, lệ phí:	206.000.000	206.000.000
		<b>3/- Phần được để lại:</b>	<b>594.000.000</b>	<b>594.000.000</b>
		- Thu phí, lệ phí:	594.000.000	594.000.000
		<b>B. PHẦN CHI</b>	0	
		<b><u>DT chi từ nguồn NSNN cấp</u></b>	<b><u>1.788.000.000</u></b>	<b><u>1.788.000.000</u></b>
<b>070</b>	<b>083</b>	<b>1/- Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
		1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
		1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.000.000	16.000.000
<b>280</b>	<b>294</b>	<b>2/- Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>1.772.000.000</b>	<b>1.772.000.000</b>
		2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	1.131.000.000	1.131.000.000
		<i>Trong đó 10% tiết kiệm</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
		2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	641.000.000	641.000.000

**Ghi chú:** Đơn vị sử dụng nguồn CCTL (gồm năm trước chuyển sang): 210trđ để đảm bảo nguồn kinh phí chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (chênh lệch từ mức lương 1,49trđ lên 1,8trđ)

<b>Kinh phí thực hiện không tự chủ</b>	<b>657.000.000</b>
<b>1/ Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>641.000.000</b>
+ Mua trang phục; Thực hiện công tác thu phí, lệ phí; Chi phí thuê mướn; sửa chữa thiết bị chuyên dùng; công tác đảm bảo trật tự ATGT và các nhiệm vụ phát sinh	
<b>2/ Đào tạo, bồi dưỡng</b>	<b>16.000.000</b>
** Kinh phí chưa có chủ trương ( Theo NĐ 60)	<b>30.000.000</b>